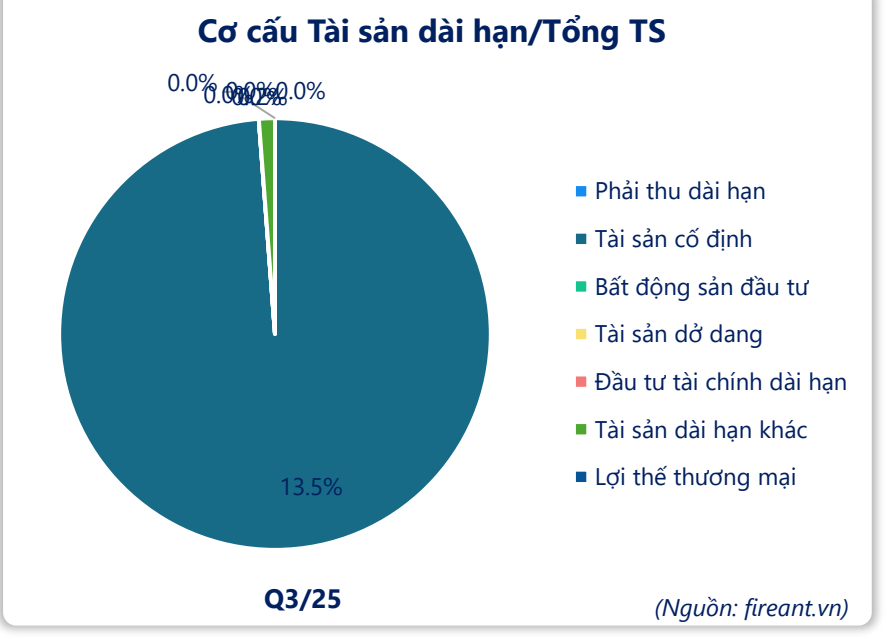
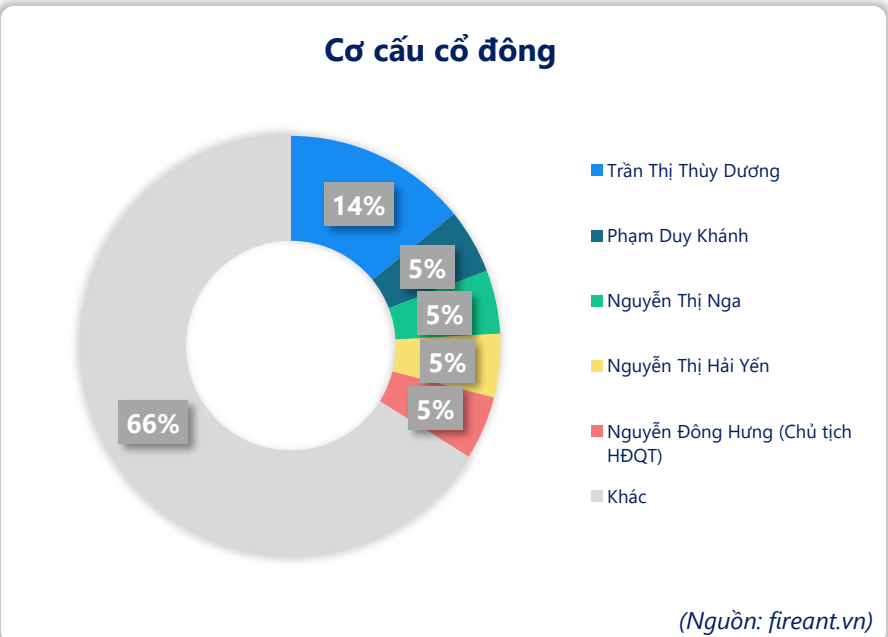
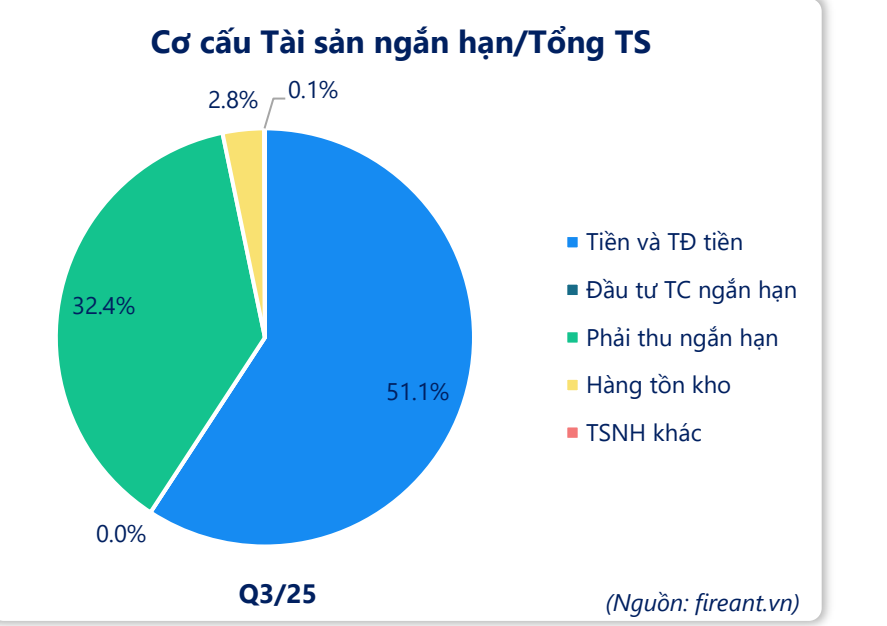
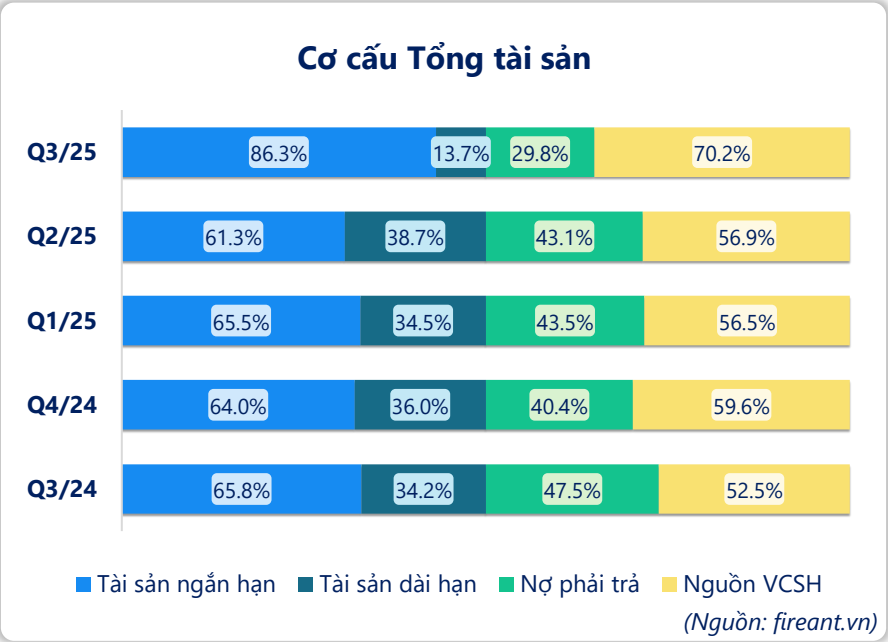
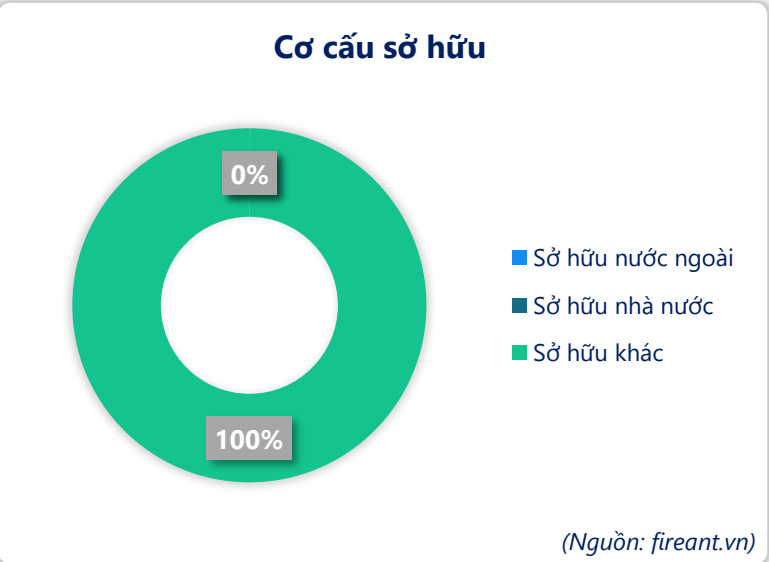
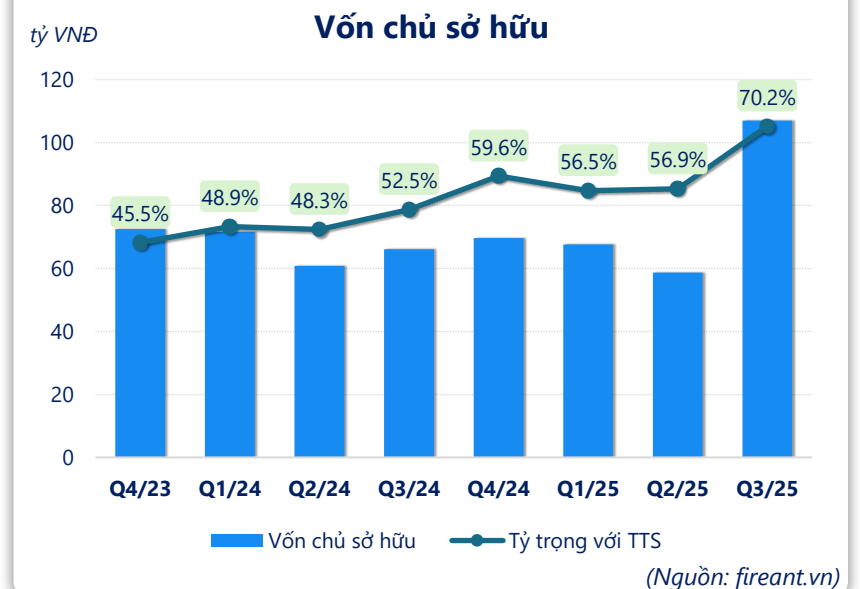
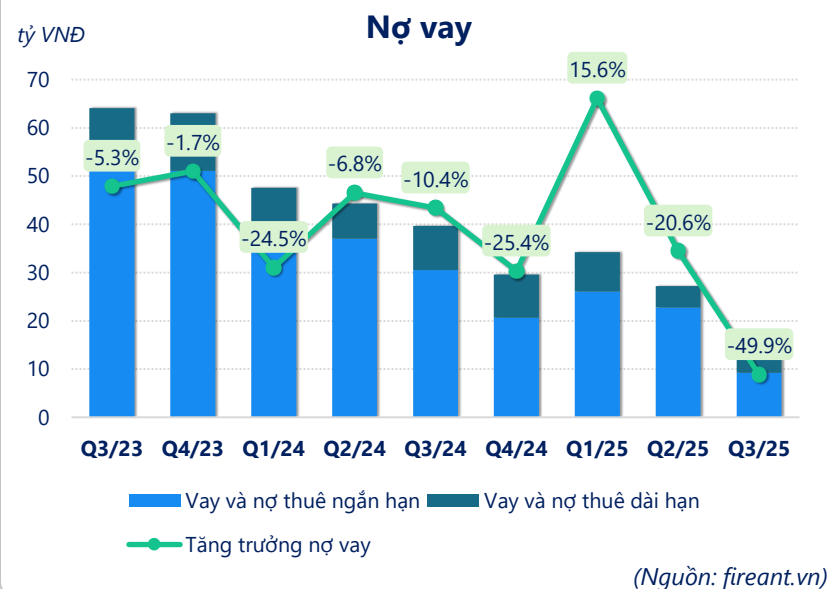
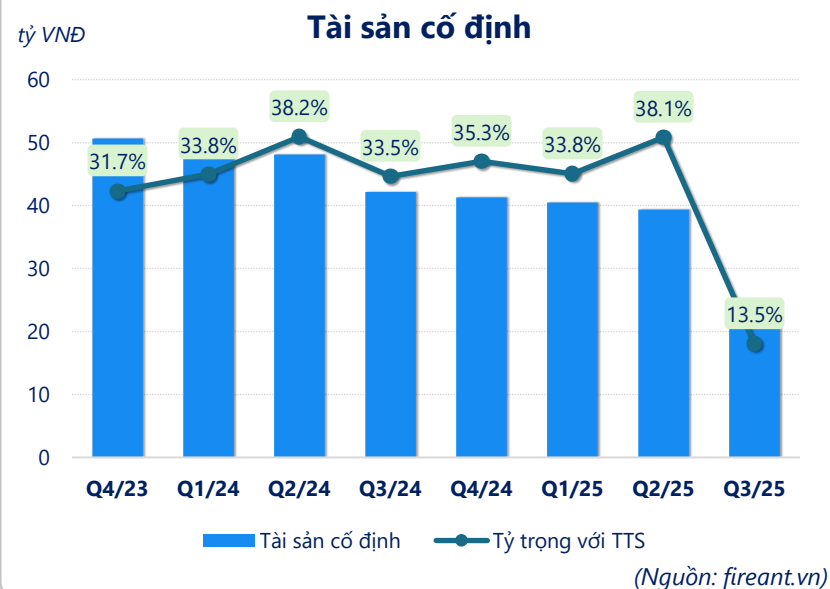
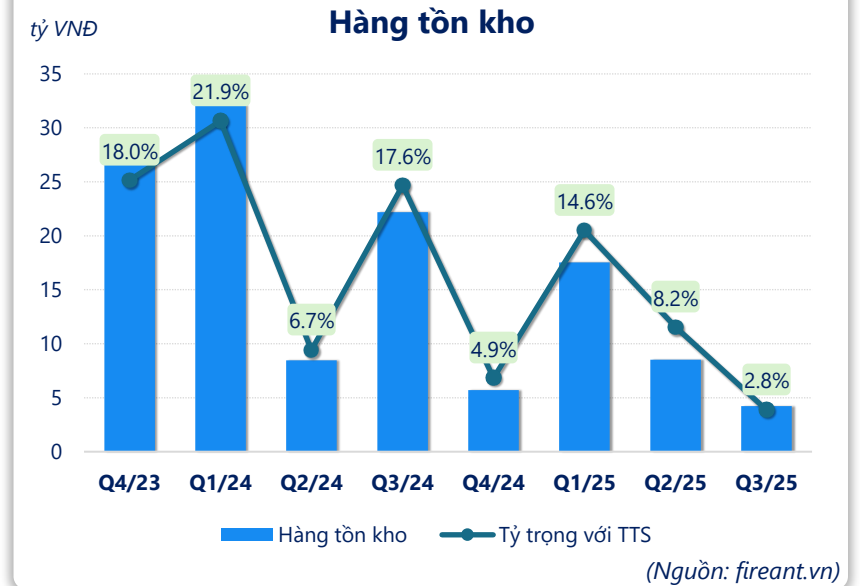
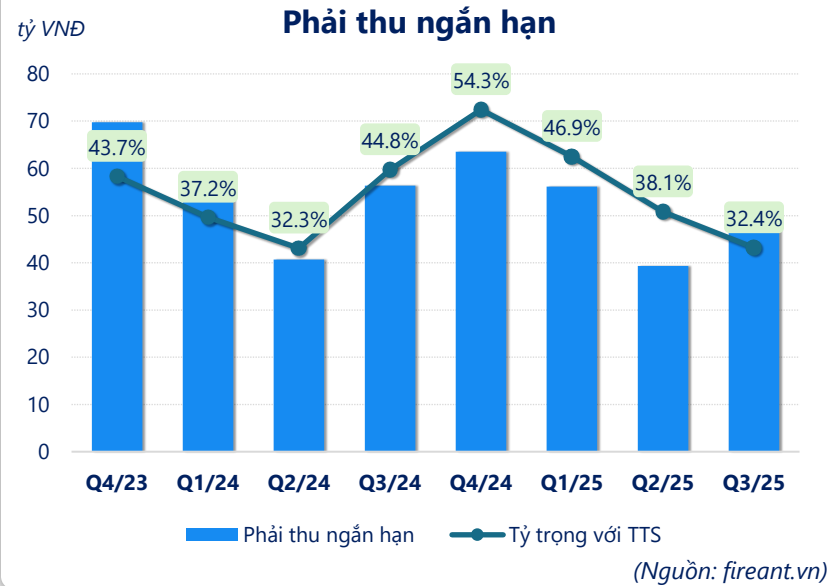
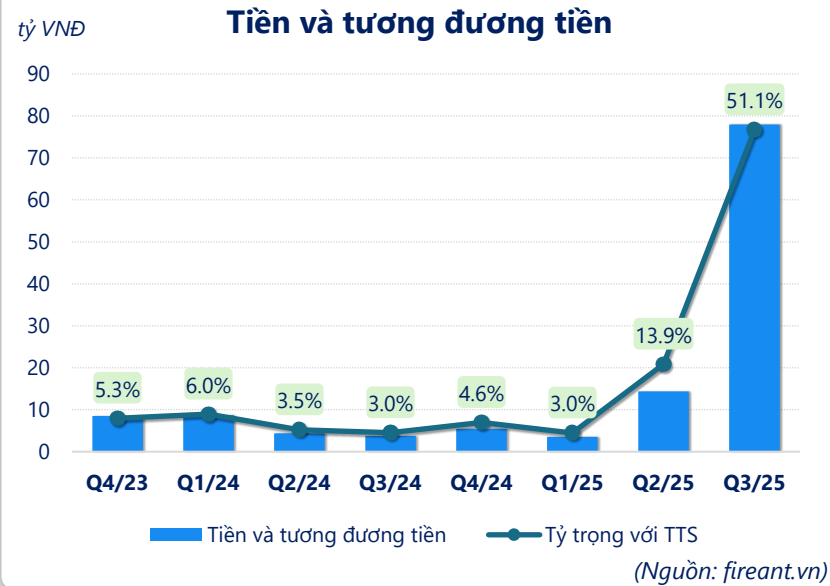
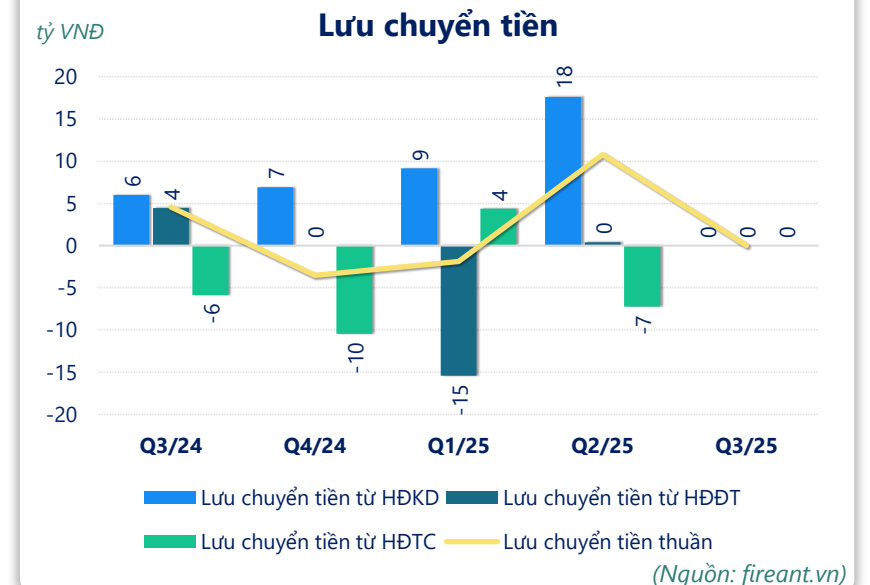
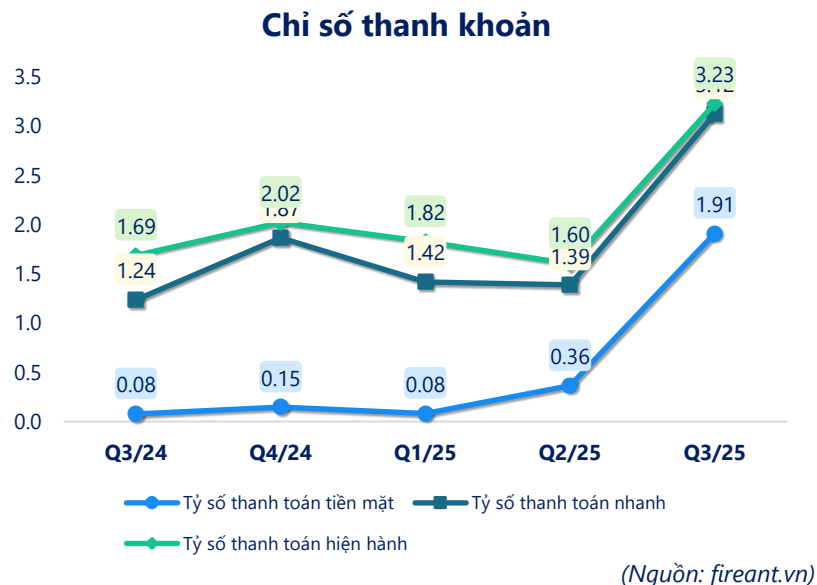
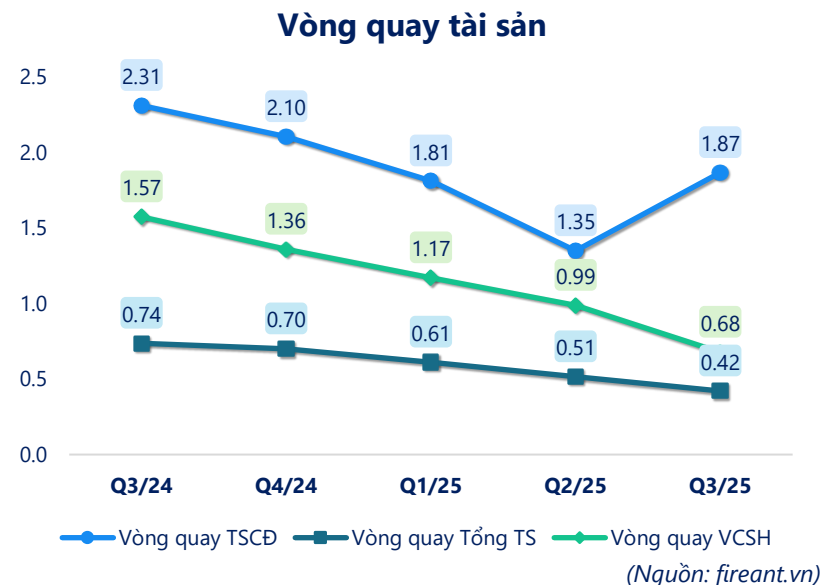
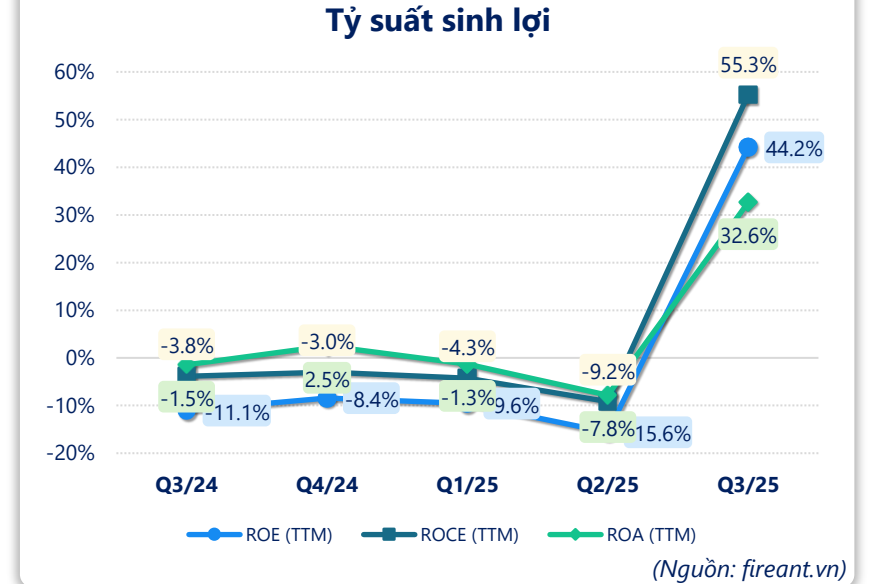
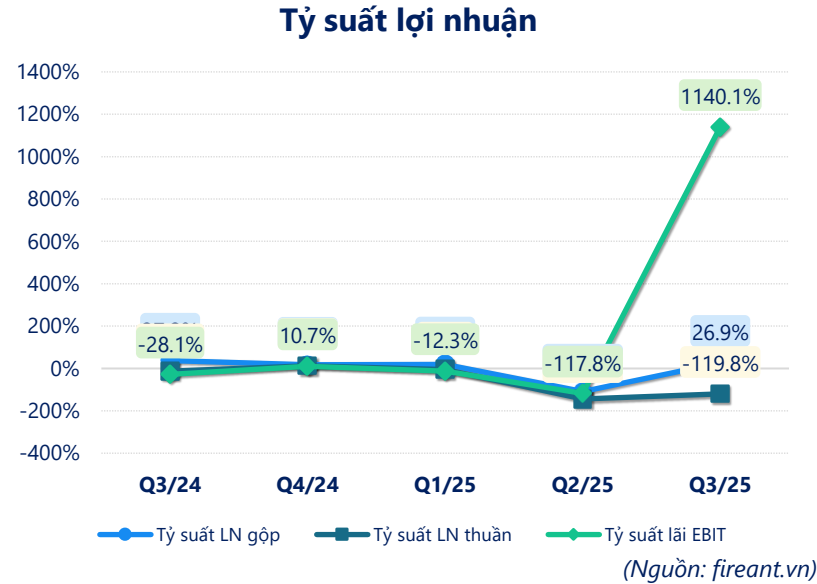
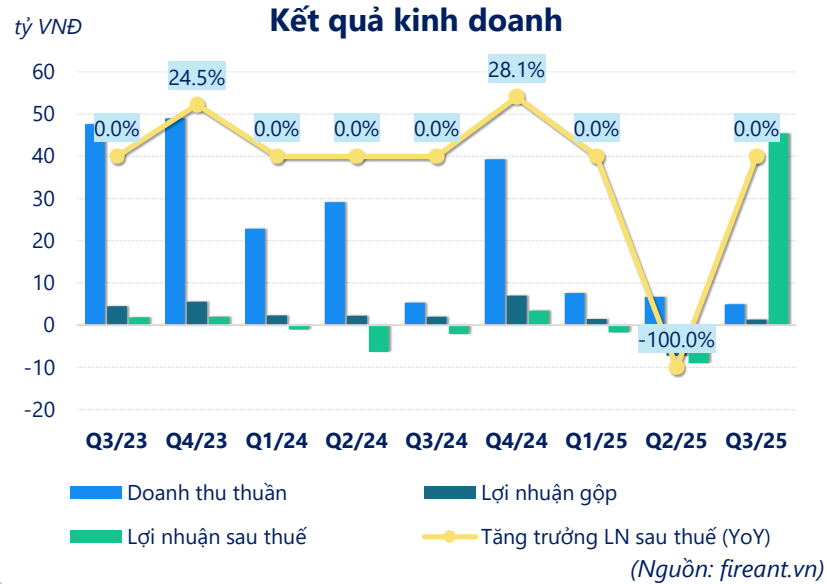


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		11,300
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		13,800
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		4,060
SL cổ phiếu LH		6,560,739
KLGD BQ 20 phiên (CP)		1,610
% sở hữu nước ngoài		0.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		74
P/E		1.9
EPS		5,825

	YTD	1T	3T	6T
SMT	149.0%	2.7%	40.5%	67.0%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	153	118	29.7%
Tài sản ngắn hạn	132	75.5	74.4%
Tiền và tương đương tiền	78.0	5.42	1338%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	49.4	64.8	-23.7%
Hàng tồn kho	4.21	5.12	-17.8%
Tài sản ngắn hạn khác	0.08	0.18	-55.6%
Tài sản dài hạn	20.9	42.1	-50.4%
Phải thu dài hạn	0	0.38	-100%
Tài sản cố định	20.6	41.3	-50.0%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0.05	-100%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	0.25	0.46	-45.2%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	45.5	48.3	-5.7%
Nợ ngắn hạn	40.8	41.9	-2.6%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	9.21	24.5	-62.4%
Phải trả người bán ngắn hạn	6.05	8.73	-30.7%
Nợ dài hạn	4.73	6.38	-25.9%
Vay và nợ thuê dài hạn	4.40	5.12	-13.9%
Nguồn vốn chủ sở hữu	107	69.4	54.3%
Vốn chủ sở hữu	107	69.4	54.3%
Vốn điều lệ	65.6	54.7	20.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	5.36	39.3	7.64	6.69	4.97
Giá vốn hàng bán	3.36	32.3	6.17	14.0	3.64
Lợi nhuận gộp	1.99	7.01	1.47	-7.29	1.34
Doanh thu HĐTC	0.00	0.02	0.00	0.24	0.00
Chi phí TC	0.59	0.58	0.52	0.61	0.40
Chi phí lãi vay	0.59	0.45	0	1.09	0.40
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0.94	0.53	0.44	0.41	0.30
Chi phí QLDN	1.15	0.96	0.89	1.56	6.60
LN thuần từ HĐKD	-0.68	4.98	-0.38	-9.62	-5.96
Lợi nhuận khác	-1.42	-1.22	-0.56	0.65	62.3
LN trước thuế	-2.10	3.75	-0.94	-8.97	56.3
Lợi nhuận sau thuế	-2.10	3.47	-1.72	-8.97	45.4
LNST của CĐ cty mẹ	-2.10	3.47	-1.72	-8.97	45.4

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	6.00	6.92	9.14	17.6	0
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	4.43	0	-15.4	0.40	0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-5.86	-10.4	4.39	-7.24	0
Tiền đầu kỳ	4.37	3.77	5.42	3.56	0
Lưu chuyển tiền thuần	4.58	-3.52	-1.86	10.8	0
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	3.77	5.42	3.56	14.3	0

(Nguồn: fireant.vn)